

Họ tên học sinh : _____	Giám thị 1	Giám thị 2	STT :
Số báo danh : _____ Lớp : _____			SỐ PHÁCH :
Trường : _____ Số tờ: _____			



Điểm bằng số	Nhận xét của thầy cô chấm bài	Giám khảo 1	Giám khảo 2	STT :
Điểm bằng chữ				SỐ PHÁCH :

PHẦN 1 : TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM)

Em hãy chọn đáp án đúng nhất và trả lời vào ô tương ứng trong bảng sau:

1.	2.	3.	4.	5.	6.	7.	8.
9.	10.	11.	12.	13.	14.	15.	16.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Cực Bắc địa từ trùng với cực Nam địa lí.
- B. Cực Bắc địa từ trùng với cực Bắc địa lí.
- C. Cực Nam địa từ trùng với cực Nam địa lí.
- D. Cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.

Câu 2. Hồ hấp tế bào có vai trò như thế nào đối với hoạt động sống của cơ thể sinh vật?

- A. Phân giải chất hữu cơ, giải phóng năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của cơ thể.
- B. Tổng hợp chất hữu cơ, giải phóng Carbon dioxide cung cấp cho quá trình quang hợp.
- C. Phân giải chất hữu cơ giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật.
- D. Tổng hợp chất hữu cơ, giải phóng Oxygen cần thiết cho cơ thể sinh vật

Câu 3: Ở thực vật có mạch, nước được vận chuyển từ rễ lên lá chủ yếu theo con đường nào sau đây?

- A. Tế bào chất
- B. Mạch rây
- C. Mạch gỗ
- D. Mạch gỗ và mạch rây

Câu 4: Trong quá trình quang hợp, lá cây nhả ra loại khí nào?

- A. Khí nitrogen.
- B. Khí Oxygen.
- C. Khí Hydrogen
- D. Khí carbon dioxide.

Câu 5: Chiều của đường sức từ của một thanh nam châm cho ta biết

- A. Chiều chuyển động của thanh nam châm.
- B. Chiều của từ trường Trái Đất.
- C. Chiều quay của thanh nam châm khi treo vào sợi dây.
- D. Tên các từ cực của nam châm.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO PHẦN NÀY



Câu 6. Ở tế bào nhân thực, hô hấp tế bào xảy ra ở thành phần cấu trúc nào của tế bào?

- A. Lục lạp. B. Nhân tế bào. C. Ti thể. D. Màng tế bào.

Câu 7. Câu nào sau đây không thể hiện vai trò của nước đối với cơ thể sinh vật?

- A. Điều hòa nhiệt độ cơ thể sinh vật.
B. Cung cấp năng lượng cho cơ thể sinh vật.
C. Dung môi hòa tan, vận chuyển các chất.
D. Nguyên liệu và môi trường của các phản ứng chuyển hóa

Câu 8. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm cảm ứng ở thực vật?

- A. Xảy ra chậm, khó nhận thấy. C. Xảy ra chậm, dễ nhận thấy.
B. Xảy ra nhanh, dễ nhận thấy. D. Xảy ra nhanh, khó nhận thấy.

Câu 9. Các động vật nhóm giun trao đổi khí với môi trường ngoài qua bộ phận nào sau đây?

- A. Bề mặt cơ thể. B. Ống khí. C. Phổi. D. Mang.

Câu 10. Khi nói về khí khổng ở lá cây, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Khí tế bào thiếu nước khí khổng mở ra để lấy nước cần thiết cho tế bào.
B. Thực vật trao đổi khí với môi trường chủ yếu qua khí khổng ở lá cây..
C. Sự đóng mở của khí khổng ảnh hưởng đến tốc độ trao đổi khí với môi trường.
D. Khí khổng còn thực hiện chức năng thoát hơi nước cho cây.

Câu 11. Khi đặt chậu cây bên trong cửa sổ, sau một thời gian thấy ngọn cây vươn ra phía ngoài cửa sổ. Đây là ví dụ mô tả quá trình nào của thực vật?

- A. Thoát hơi nước. B. Hô hấp. C. Cảm ứng. D. Quang hợp.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của quá trình trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng trong cơ thể?

- A. Tạo ra nguồn nguyên liệu cấu tạo nên tế bào và cơ thể
B. Sinh ra nhiệt để giải phóng ra ngoài môi trường.
C. Cung cấp năng lượng cho các hoạt động sống của tế bào.
D. Tạo ra các sản phẩm tham gia hoạt động chức năng của tế bào.

Câu 13. Khi trồng mướp người ta thường làm dàn. Đây là ứng dụng dựa trên đặc điểm hình thức cảm ứng nào của cây?

- A. Tính hướng nước. C. Tính hướng đất.
B. Tính hướng sáng. D. Tính hướng tiếp xúc.

Câu 14: Cơ thể người thải ra chất gì trong quá trình trao đổi chất?

- A. Thức ăn. B. Chất thải. C. Nước uống. D. Oxygen.

HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO PHẦN NÀY



Câu 15: Trong quá trình quang hợp, nước lấy từ đâu?

- A. Được rễ hút từ đất, theo mạch gỗ lên thân, lá.
- B. Do lá lấy từ đất lên.
- C. Cùng với các muối khoáng được rễ chuyên lên theo mạch rây sẽ tổng hợp thành các chất hữu cơ khác rồi được vận chuyển đến các bộ phận khác của cây.
- D. Từ không khí, hấp thụ vào lá qua các lỗ khí

Câu 16: Lông hút của rễ do tế bào nào phát triển thành?

- A. Tế bào thịt vỏ
- B. Tế bào mạch gỗ ở rễ.
- C. Tế bào mạch rây ở rễ.
- D. Tế bào biểu bì.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)

Câu 1 (2 điểm): Điền từ thích hợp vào ô trống.

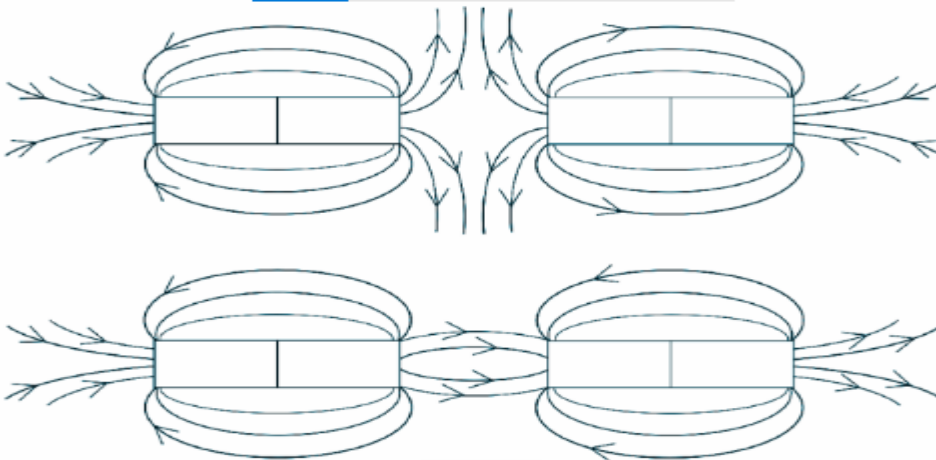
a) - Khi tăng (giảm) độ lớn (1)....., thì độ lớn lực từ của (2).....cũng tăng (giảm).

- Khi đổi chiều dòng điện thì (3).....của nam châm điện cũng đổi chiều và (4).....lực từ không đổi.

b) Thực vật trao đổi khí với môi trường chủ yếu thông qua (5)ở lá cây trong quá trình (6).....và hô hấp.

- Khí khổng có hai tế bào (7)....., xếp úp vào nhau tạo ra (8)..... Khi khí khổng mở, các loại khí khuếch tán vào và ra khỏi lá.

Câu 2 (1 điểm) : Hãy xác định cực của nam châm trong hình dưới đây:



HỌC SINH KHÔNG VIẾT VÀO PHẦN NÀY



Câu 3 (2 điểm):

- a) Tại sao chúng ta không nên vận động quá mức khi đang đeo khẩu trang?
- b) Khi hoạt động mạnh, nhiệt độ cơ thể tăng cao, cơ thể sẽ tiết ra mồ hôi để làm mát. Theo em, tại sao việc tiết mồ hôi có thể làm giảm nhiệt độ cơ thể?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4 (1 điểm):

- a) Ở hầu hết các loài cây, phiến lá thường có bản dẹt và rộng. Đặc điểm này có vai trò gì trong quá trình quang hợp?
- b) Vì sao ban đêm không nên để nhiều hoa hoặc cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-Hết-

*Học sinh không được sử dụng tài liệu.
Giám thị không giải thích gì thêm.*

MA TRẬN THIẾT KẾ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7

1) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra học kì II, khi kết thúc nội dung bài 32
- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, (trắc nghiệm gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 8 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
 - Phần tự luận: 6,0 điểm gồm 4 câu (Nhận biết: 2 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).
 - Nội dung học kì II: 100% (10,0 điểm)

Chủ đề	Số tiết	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Trắc nghiệm	Tự luận	
		Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận			
1	TS: 46	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	10	1	1/2	1	1					2	1,5	2,5
3	32	5	1/2	6		1			1	11	2,5	6,75
4	4	2		1						3		0,75

Chủ đề	Số tiết	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Trắc nghiệm	Tự luận	
		Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận			
1	TS: 46	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Động vật												
Số ý TL(số cd)		8	1	8		1			1			
m số		2	2	2	1	2			1			
Số điểm		4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

2) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Từ (10 tiết)						
Nam châm	Nhận biết	- Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.				
		- Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm.				
		- Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường.	1		C1a	
		- Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.				

Từ trường		- Nêu được khái niệm đường sức từ.		1		C5
Từ trường Trái Đất-	Thông hiểu	- Mô tả được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.	1	1	C2	C1
Sử dụng la bàn		- Mô tả được cấu tạo và hoạt động của la bàn.				
Nam châm điện	Vận dụng	- Tiến hành thí nghiệm để nêu được: + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau; + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm).				
		- Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí.				
		- Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm.				
	Vận dụng cao	- Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện.				
		- Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, ...)				
2. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (32 tiết)						
– Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng + Vai trò trao đổi	Nhận biết	– Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.		1		C14
		– Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.				
		– Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào.		2		C4 C6
		- Nêu được khái niệm về trao đổi khí ở sinh vật	1		C1 b	

<p>chất và chuyển hoá năng lượng</p> <p>– Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng</p> <p>+ Chuyển hoá năng lượng ở tế bào</p> <p>• Quang hợp</p> <p>• Hô hấp ở tế bào</p> <p>- Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng</p>		<p>– Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.</p> <p>+ Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;</p> <p>+ Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật;</p>		1		C16
	<p>Thông hiểu</p>	<p>– Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. Vai trò trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng</p>		2		C12 C10
		<p>– Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm, vai trò; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải.</p>		1		C2
		<p>– Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.</p>				
		<p>– Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.</p>		1		C10
		<p>– Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)– Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.</p>		1		C9

<p>+ Trao đổi khí</p> <p>+ Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật</p>		<p>– Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:</p> <p>+ Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;</p> <p>+ Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).</p> <p>+ Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);</p> <p>+ Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);</p> <p>+ Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.</p>		2		C7 C3
	Vận dụng	<p>– Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.</p>				
<p>– Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).</p>		1		C3a		
<p>– Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá</p>						
<p>– Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn, vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.</p>		1		C3 b		

	Vận dụng cao	- Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.				
		- Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.				
		- Vận dụng được những hiểu biết về, quang hợp, hô hấp trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...).	1		C4a ,b	
3. Cảm ứng ở sinh vật (4 tiết)						
- Khái niệm cảm ứng	Nhận biết	- Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.		1		C11
		- Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.		1		C13
- Cảm ứng ở thực vật						
- Cảm ứng ở động vật	Thông hiểu	- Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc).Đặc điểm cảm ứng		1		C8
- Vai trò cảm ứng đối với sinh vật	Vận dụng	- Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).				
		- Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt).				

--	--	--	--	--

